

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 11- 2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Đới

Ông Nguyễn Văn Ghên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 868/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1181/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1981

- *Bị đơn:* Chị Hà Thị N, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh L.

(Anh C có mặt, chị N vắng mặt – đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Minh C trình bày: Anh và chị Hà thị N có tìm hiểu nhau thời gian 01 năm, sau đó chung sống với nhau vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu anh và chị N chung sống có hạnh phúc nhưng từ tháng 6 năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau nên anh và chị N ly thân với nhau từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay.

Thời gian chung sống, anh và chị N có một con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/11/2016 hiện nay do anh đang nuôi dưỡng,

Tài sản chung và nợ chung không có.

Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên anh xin ly hôn với chị Hà Thị Ng. Khi ly hôn, anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo cho chị N biết về yêu cầu khởi kiện của anh C nhưng chị N không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo theo quy định của pháp luật nhưng chị N cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên anh C đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Anh Nguyễn Minh C xin ly hôn với chị Hà Thị N là thuộc quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

1.2. Chị Hà Thị N là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Chị Hà Thị N vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Anh Nguyễn Minh C và chị Hà Thị N kết hôn với nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang là phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Anh Nguyễn Minh C cho rằng nguyên nhân anh xin ly hôn với chị N là do vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng vì cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị N không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Đồng thời anh và chị N đã ly thân nhau từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay nên tình cảm của anh đối với chị N không còn nữa.

2.3. Đối với chị Hà Thị N vắng mặt tại phiên tòa mà cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu xin ly hôn của anh C và cũng không đến để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ, chứng tỏ rằng chị N không có thiện chí đoàn tụ với anh C. Vì vậy anh C xin ly hôn với chị N là có căn cứ nên cho anh C ly hôn với chị N là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.4. Về con chung: Anh C và chị N chung sống có một con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/11/2016, hiện do anh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh C xin tiếp tục được nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án

và tại phiên tòa hôm nay, chị N vắng mặt và không có ý kiến gì đối với việc anh C xin được tiếp tục nuôi con chung của anh C.

Xét thấy, từ khi anh C và chị N ly thân nhau cho đến nay con chung tên Nguyễn Ngọc H do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và anh vẫn đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu Ngọc H. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển ổn định cho cháu Ngọc H, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung tên Nguyễn Ngọc H cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, anh C không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5. Về tài sản chung và nợ chung: Anh C xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh C phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9 và Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh C về việc xin ly hôn với chị Hà Thị N. Anh Nguyễn Minh C được ly hôn với chị Hà Thị N.

2. Con chung: Anh Nguyễn Minh C được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/11/2016 (anh C đang nuôi dưỡng). Chị Hà Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh C không yêu cầu. Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh C và chị N có quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí: Buộc anh Nguyễn Minh C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003386 ngày 16/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành, anh C không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Nam Thái Sơn,
huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Bình An